

Bản án số: 22/2017/HS-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tráng A Lừ và bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V H, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2017/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Bùi Thị Ng, sinh năm 1977, tại H B.

Nơi cư trú: Xóm X H, xã X H, huyện L S, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn N (đã chết) và bà Bùi Thị Kh; có chồng là Bùi Văn T (đã chết) và 02 con;

Tiền án: Ngày 26/7/2012 Tòa án nhân dân tỉnh H B áp dụng điểm h khoản 2 điều 194 BLHS xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2017.

Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 17 tháng 8 năm 2017 đến nay. Có mặt.

2. Bùi Văn H, sinh năm 1966, tại H B.

Nơi cư trú: Xóm B, xã Y Ph, huyện L S, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 1/10 ; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn Đ (là liệt sĩ) và bà Bùi Thị N (đã chết); có vợ là Bùi Thị Ch và 03 con;

Nhân thân:

+ Tại Bản án số 16, ngày 05/8/1998 Tòa án nhân dân huyện L S, tỉnh Hòa Bình xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 24 tháng về tội Trộm cắp tài

sản.

+ Tại bản án số 28, ngày 21/4/2000 Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam ngày 25 tháng 8 năm 2017 đến nay. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút, ngày 17/8/2017, tại bản C Ch, xã L L, huyện V H, tỉnh Sơn La. Tổ công tác công an huyện V H dừng xe máy BKS 28N1 – 0853 do Bùi Văn H điều khiển, chờ phía sau Bùi Thị Ng. Qua kiểm tra phát hiện bắt quả tang Bùi Thị Ng có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ là 02 gói nilon màu đen: 01 gói nilon màu đen bên trong đựng chất bột màu trắng, Ng khai đó là Hêrôin; 01 gói nilon màu đen bên trong đựng 01 gói nilon màu đen đựng chất bột màu trắng, Ng khai đó là Hêrôin và 01 gói nilon màu đen bên trong đựng 03 viên màu hồng, mỗi viên đều có ký hiệu WY. Ng khai nhận đó là Hêrôin và ma túy tổng hợp H và Ng cùng đi mua về để sử dụng và bán lại kiếm lời. Cơ quan điều tra cũng tạm giữ của Bùi Thị Ng 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT, tạm giữ của Bùi Văn H 01 xe máy BKS 28N1 – 0853 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel kèm hai sim đã qua sử dụng. Bước đầu, các đối tượng khai nhận Bùi Thị Ng đi nhờ xe của Bùi Văn H lên L L mua ma túy về sử dụng, Bùi Văn H không biết việc Bùi Thị Ng có cất giấu ma túy. Do vậy, cơ quan điều tra đã trả tự do cho Bùi Văn H.

Qua đấu tranh khai thác, Bùi Thị Ng khai nhận đã rủ H lên huyện V H để tìm mua ma túy mang về bán lại kiếm lời. H đồng ý, lấy xe máy chở Ng lên một nhà người phụ nữ dân tộc Mông, tên là T, mà H quen biết từ trước, ở bản C T, xã L L mua được mỗi người một gói Hêrôin với giá 1.800.000 đồng, Ng còn xin thêm được 03 viên Hồng phiến. H đưa cả gói ma túy của mình cho Ng giữ hộ. Khi cả hai đang trên đường quay về thì bị phát hiện bắt quả tang. Tại các biên bản lấy lời khai và hỏi cung, Bùi Văn H cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Cùng ngày, Tại Cơ quan điều tra tiến hành cân tịnh số ma túy thu giữ xác định được như sau:

+ Chất bột trắng trong gói nilon màu đen thứ nhất có trọng lượng 6,24 gam, lấy 0,24 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu N.

+ Chất bột trắng trong gói nilon màu đen thứ hai có trọng lượng 5,23 gam, lấy 0,27 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu N2.

+ 03 viên nén màu hồng trong gói nilon màu đen ở gói thứ hai có trọng lượng 0,29 gam, lấy toàn bộ 0,29 gam làm mẫu gửi giám định, ký hiệu N4.

Kết luận giám định số 829/KLMT ngày 23/8/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La, kết luận "*Mẫu gửi giám định ký hiệu N, N2 đều là chất ma túy; Loại chất Hêrôin; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là N = 0,24 gam, N2 = 0,27 gam; Trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 11,47 gam; Loại chất Hêrôin.*

Mẫu gửi giám định ký hiệu N4 là chất ma túy; Loại chất Methamphetamine; Trọng lượng của mẫu gửi giám định là 0,29 gam; Trọng lượng chất ma túy thu giữ được là 0,29 gam; Loại chất Methamphetamine”

Cáo trạng số 86/CT – VKS ngày 09/11/2017 của VKSND huyện V H, truy tố Bùi Thị Ng về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h, p khoản 2 điều 194 BLHS; truy tố Bùi Văn H về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 2 điều 194 BLHS. Tại phiên tòa, kiểm sát viên đề nghị HĐXX xem xét: Tuyên bố Bùi Thị Ng và Bùi Văn H phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

* Áp dụng điểm h, p khoản 2 điều 194, **điểm p,q khoản 1 điều 46**, điều 20,53 Bộ luật hình sự 1999, xử phạt: Bùi Thị Ng từ 07 năm đến 08 năm tù.

* Áp dụng điểm h khoản 2 điều 194, điểm p khoản 1 điều 46, điều 20, 53 Bộ luật hình sự 1999, **điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015**, xử phạt: Bùi Văn H từ 08 đến 09 năm tù.

+ Không phạt bổ sung đối với các bị cáo; áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự, điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 10,96 gam Hêrôin và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Bùi Văn H.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT kèm theo 01 sim của Bùi Thị Ng; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A275 của Bùi Văn H vỏ màu xanh đen, 02 sim có số thuê bao là 01687756450 và 01652150223 đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe máy nhãn hiệu Elegant Syn, BKS 28N1 – 0853 số khung OBH8H – 512004, số máy A2E – H512004 màu sơn xanh đã qua sử dụng của Bùi Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bùi Thị Ng đang có tiền án về tội phạm ma túy, Bùi Văn H nghiện ma túy. Ngày 17/8/2017, Ng rủ H lên huyện V H tìm mua ma túy về sử dụng và bán lại cho các đối tượng nghiện khác kiếm lời. H điều khiển xe máy BKS 28N1 – 0853 chở Ng lên nhà một người phụ nữ dân tộc Mông, tên là T, ở bản C T, xã L L, huyện V H. Tại đây, H và Ng mỗi người hỏi mua được 01 gói Hêrôin với giá 1.800.000 đồng, Ng còn xin thêm được 03 viên Hồng phiến. H đưa cả gói ma túy của mình cho Ng cầm. Trên đường quay về cả hai bị Tổ công tác Công an huyện V H phát hiện bắt quả tang.

Hành vi mua và tàng trữ trái phép 02 loại ma túy mục đích sử dụng và bán lại kiếm lời, với số lượng ma túy là 11,47 gam Hêrôin và 0,29 gam Methamphetamine. Căn cứ quy định tại Tiểu mục 2.5, mục 2, phần I, Thông tư liên tịch 17/TTLT – BCA – VKSNDTC – TANDTC – BTP tính quy đổi số lượng chất ma túy như sau:

+ Tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của 11,47 gam Hêrôin so với mức tối thiểu đối với Hêrôin quy định tại điểm b khoản 3 điều 194 Bộ luật hình sự là (11,47 x 100): 30 = 38,23%.

+ Tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của 0,29 gam Methamphetamine so với mức tối thiểu đối với Methamphetamine quy định tại điểm e khoản 3 điều 194 Bộ luật hình sự là $(0,29 \times 100): 100 = 0,29\%$.

Tổng tỷ lệ phần trăm về trọng lượng của hai chất Methamphetamine và Hêrôin là $38,23\% + 0,29\% = 38,52\%$ (dưới 100%).

Như vậy, Bùi Thị N và Bùi Văn H đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS, có mức hình phạt từ 07 năm đến 15 năm.

[2] Tính chất hành vi và vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm lớn cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma túy, làm lây lan tệ nạn ma túy trong cộng đồng.

Bùi Thị Ng là người khởi xướng việc phạm tội, đã có tiền án về tội rất nghiêm trọng, nay lại phạm tội rất nghiêm trọng, là tái phạm nguy hiểm, mua bán 02 loại ma túy (11,47 gam Hêrôin và 0,29 gam Methamphetamine). Do đó, bị cáo sẽ bị áp dụng hai tình tiết định khung tăng nặng theo quy định tại điểm h, p khoản 2 điều 194 BLHS 1999. Bùi Văn H là người dẫn dắt tìm điểm mua ma túy, có nhân thân xấu, đã từng hai lần bị xét xử, không biết tu chí, làm bài học cho bản thân. Nay lại mua bán 02 loại ma túy, sẽ bị áp dụng tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm h khoản 2 điều 194 BLHS. HĐXX xét thấy, việc khởi tố, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 điều 46 BLHS 1999: *“Người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện, điều tra tội phạm”* cho bị cáo Bùi Thị Ng, Hội đồng xét xử xét thấy: Ngay từ khi bị bắt quả tang, bị cáo Ng đã cố ý che giấu hành vi phạm tội của Bùi Văn H (để Cơ quan điều tra trả tự do cho Bùi Văn H). Tuy nhiên, qua đấu tranh, khai thác, các bị cáo Bùi Thị Ng và Bùi Văn H mới thừa nhận là đồng phạm trong vụ án. Do vậy, HĐXX không chấp nhận cho bị cáo Bùi Thị Ng được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm q khoản 1 điều 46 BLHS 1999 theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Các bị cáo đồng phạm, phạm tội rất nghiêm trọng, do đó, cần tiếp tục xử phạt tù nghiêm khắc đối với các bị cáo, để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, nhận thức hạn chế, nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS 1999. Bùi Văn H có bố đẻ là người có công với cách mạng, nên được xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm x khoản 1 điều 51 BLHS 2015 theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội. Xét về tính chất mức độ, vai trò tội phạm là ngang nhau, nhưng Bùi Văn H có 02 tình tiết giảm nhẹ. Do vậy, sẽ bị xử phạt nhẹ hơn so với Bùi Thị Ng.

[4] *Về phạt bổ sung*: Xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị; bị cáo Hòa nghịên ma túy, không có khả năng thi hành, nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] *Vật chứng của vụ án*: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 10,96 gam Hêrôn và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Bùi Văn H là những vật bị cầm lưu hành hoặc không có giá trị sử dụng, cần tuyên tịch thu để tiêu hủy.

01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT kèm theo số thuê bao 0945.597.902 của Bùi Thị Ng; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A275 của Bùi Văn H vỏ màu xanh đen, 02 sim có số thuê bao là 01687756450 và 01652150223; 01 xe máy nhãn hiệu Elegant Syn, BKS 28N1 – 0853 số khung OBH8H – 512004, số máy A2E – H512004 màu sơn xanh của Bùi Văn H, đều đã qua sử dụng, là những vật các bị cáo dùng vào việc phạm tội hoặc phương tiện phạm tội, cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước

[6] *Về nguồn gốc chất ma túy*: Các bị cáo khai mua của một người phụ nữ dân tộc Mông, tên là T, ở bản C T, xã L L, huyện V H. Qua điều tra, xác minh, không có người phụ nữ nào tên là T, ở bản C T. Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý trong vụ án này, cần chấp nhận.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm h, p khoản 2 điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46, điều 53 BLHS 1999. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Ng phạm tội: **Mua bán trái phép chất ma túy.**

Xử phạt: Bùi Thị Ng 09 (Chín) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 17/8/2017.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Căn cứ vào điểm h khoản 2 điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS 1999; điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Tuyên bố bị cáo Bùi Văn H phạm tội: **Mua bán trái phép chất ma túy.**

Xử phạt: Bùi Văn H 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 25/8/2017.

Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS, các điểm a, đ khoản 2 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 10,96 gam Hêrôn và vỏ gói niêm phong ban đầu; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng que thử ma túy đối với Bùi Văn H.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT kèm theo số thuê bao 0945.597.902 của Bùi Thị

Ng; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel A275 của Bùi Văn H vỏ màu xanh đen, 02 sim có số thuê bao là 01687756450 và 01652150223; 01 xe máy nhãn hiệu Elegant Syn, BKS 28N1 – 0853 số khung OBH8H – 512004, số máy A2E – H512004 màu sơn xanh của Bùi Văn H, đều đã qua sử dụng, là những vật các bị cáo dùng vào việc phạm tội hoặc phương tiện phạm tội, cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước

Toàn bộ Vật chứng theo biên bản giao vật chứng số: 20/BBVC, và biên bản bóc mở niêm phong ngày 22/11/ 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vân Hồ

4. Về án phí: Áp dụng điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT
- VKS tỉnh, huyện
- CA huyện, CQ THAHS
- Sơ TP
- Trại Giam
- Bị cáo
- Lưu HS.
- Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đăng Quang

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – chủ tọa

Hội thẩm nhân dân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp

luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức,

cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)